|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **XÃ HÚC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Xã Húc, ngày 20 tháng 5 năm 2020* |

**BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUNG ÁP DỤNG TẠI CẤP XÃ**

**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*(Cấp nhật đến ngày 20/5/2020)*

**DANH MỤC 127 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**ĐƯỢC ÁP DỤNG TẠI UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ HÚC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thủ tục hành chính** | **QĐ ban hành** | **Ghi chú** |
| 1. **Lĩnh vực tư pháp (37 TTHC)** | | | |
| 1. ***Lĩnh vực hộ tịch (19 TTHC)*** | | Theo Quyết định 2300 ngày 30/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị |  |
| 1.1 | Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch |
| 1.2 | Thủ tục đặng ký khai sinh |
| 1.3 | Thủ tục đặng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân |
| 1.4 | Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con |
| 1.5 | Thủ tục đăng ký lại khai sinh |
| 1.6 | Thủ tục đăng ký khai tử |
| 1.7 | Thủ tục đăng ký lại khai tử |
| 1.8 | Đăng ký kết hôn |
| 1.9 | Đăng ký lại kết hôn |
| 1.10 | Thủ tục cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân |
| 1.11 | Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch |
| 1.12 | Thủ tục đăng ký giám hộ |
| 1.13 | Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ |
| 1.14 | Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con |
| 1.15 | Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động |
| 1.16 | Thủ tục đăng ký khai tử lưu động |
| 1.17 | Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động |
| 1.18 | Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi |
| 1.19 | Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế |
| 1. ***Lĩnh vực nuôi con nuôi (02 TTHC)*** | |
| 2.1 | Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước |
| 2.1 | Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước |
| 1. ***Lĩnh vực phổ biến giáo dục pháp luật (6 TTHC)*** | |
| 3.1 | Thủ tục thanh toán thu lao cho hòa giải viên |
| 3.2 | Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải |
| 3.3 | Thủ tục công nhận hòa giải viên |
| 3.4 | Thủ tục thôi làm hòa giải viên |
| 3.5 | Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật |
| 3.6 | Thủ tục thôi làm tuyên truyền viên pháp luật |
| 1. ***Lĩnh vực chứng thực (9 TTHC)*** | |
| 4.1 | Chứng thực chữ ký trong các giấy tơ, văn bản (áp dụng cho các trường hợp điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ) |
| 4.2 | Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản, quyền sử dụng đất, nhà ở |
| 4.3 | Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng giao dịch |
| 4.4 | Sữa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực |
| 4.5 | Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực |
| 4.6 | Chứng thực di chúc |
| 4.7 | Chứng thực văn bản tư chối nhận di sản |
| 4.8 | Chứng thực văn thỏa thuận phân chia di sản/khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở |
| 4.9 | Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận |
| 1. ***Lĩnh vực bồi thường nhà nước (1 TTHC)*** | |  |  |
| 5.1 | Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quản trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại |  |  |
| 1. **Lĩnh vực nội vụ (16 TTHC)** | | | |
| 1. ***Lĩnh vực tôn giáo Chính phủ (11 TTHC)*** | | Theo Quyết định 768 ngày 23/3/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị |  |
| 1.1 | Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng |
| 1.2 | Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng |
| 1.3 | Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung |
| 1.4 | Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung tron g địa bàn một xã |
| 1.5 | Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác |
| 1.6 | Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung |
| 1.7 | Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã |
| 1.8 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã |
| 1.9 | Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung |
| 1.10 | Thông báo tổ chức quyền góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc |
| 1.11 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tông giáo ở một xã |
| 1. ***Lĩnh vực Thi đua- Khen thưởng (5 TTHC)*** | |
| 2.1 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị |
| 2.2 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề |
| 2.3 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất |
| 2.4 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình |
| 2.5 | Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến |
| 1. **Lĩnh vực dân tộc (*2TTHC*)** | | | |
| 1 | Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số | Theo Quyết định 474 ngày 20/02/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị |  |
| 2 | Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số |
| 1. **Lĩnh vực thanh tra (4 TTHC)** | | | |
| 1 | Xử lý đơn thư tại cấp xã | Theo Quyết định 606 ngày 04/3/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị |  |
| 2 | Giải quyết tố cáo tại cấp xã |
| 3 | Giải quyết khiếu nại tại cấp xã |
| 4 | Tiếp công dân tại cấp xã |
| 1. **Lĩnh vực giáo dục và đào tạo (6TTHC)** | | | |
| ***1*** | ***Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở khác*** | Theo Quyết định 155 ngày 15/01/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị |  |
| 1.1 | Cho phép cơ sở giáo dục khác thực chương trình giáo dục tiểu học |
| 1.2 | Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập |
| 1.3 | Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại |
| 1.4 | Sáp lập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập |
| 1.5 | Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập) |
| ***2*** | ***Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân*** |
| 2.1 | Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục |
| 1. **Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn (08 TTHC)** | | | |
| 1. **Lĩnh vực Phòng chống thiên tai (3TTHC)** | | Theo Quyết định 78/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị  Và QĐ số 797/QĐ-UBND ngày 25/3/2020 |  |
| 1.1 | Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai |
| 1.2 | Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu |
| 1.3 | Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh |
| 1. **Lĩnh vực Trồng trọt (03TTHC)** | |
| 2.1 | Đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa |
| 2.2 | Nhận hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngần sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND xã thực hiện) |
| 2.3 | Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương |
| 1. **Lĩnh vực Thủy lợi (02 TTHC)** | |
| 3.1 | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND xã |
| 3.2 | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND xã |  |  |
| 1. **Lĩnh vực văn hóa thể thao và du lịch (05 TTHC)** | | | |
| 1. ***Lĩnh vực văn hóa cơ sở (03TTHC)*** | | Theo Quyết định số  966 ngày 10/4/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị |  |
| 1.1 | Thủ tục xét tặng danh hiệu gia đình văn văn hóa hàng năm |
| 1.2 | Thủ tục xét tặng Giấy khen gia đình văn hóa |
| 1.3 | Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã |
| 1. ***Lĩnh vực thư viên (01 TTHC)*** | |
| 2.1 | Thủ tục đặng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản |
| 1. ***Lĩnh vực thể thao du lịch (01 TTHC)*** | |
| - | Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở |
| 1. **Lĩnh vực tài nguyên và môi trường (3 TTHC)** | | | |
| 1 | Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích | Theo Quyết định số 473 của UBND tỉnh ngày 20/02/2020 |  |
| 2 | Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường |
| 3 | Hòa giải tranh chấp đất đai |
| **IX. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (43 TTHC)** | | | |
| 1. **Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội (3 TTHC)** | | | |
| 1.1 | Hỗ trợ văn hóa học, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân | Theo QĐ số 1112/QĐ-UBND tỉnh ngày 29/4/2020 |  |
| 1.2 | Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng |  |
| 1.3 | Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình |  |
| **2. Lĩnh vực người có công (20TTHC)** | | | |
| 2.1 | Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi | Theo QĐ số 1112/QĐ-UBND tỉnh ngày 29/4/2020 |  |
| 2.2 | Xác nhận vào đơn đề nghề di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ |  |
| 2.3 | Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng tự trần |  |
| 2.4 | Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng khi người có công từ trần |  |
| 2.4 | Giải quyết chế độ đối với người thân nhân liệt sĩ |  |
| 2.6 | Giải quyết chế độ đối với ánh hùng lực lương vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến |  |
| 2.7 | Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học |  |
| 2.8 | Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học |  |
| 2.9 | Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị bắt tù, đày |  |
| 2.10 | Giải quyết chế độ người HĐKC giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế |  |
| 2.11 | Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng |  |
| 2.12 | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với bà mẹ VN anh hùng |  |
| 2.13 | Hồ sợ, thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01/01/1995 và chưa được hưởng chế độ ưu đãi |  |
| 2.14 | Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ |  |
| 2.15 | Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ |  |
| 2.16 | Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ |  |
| 2.17 | Mua bảo hiểm y tế đối với người có công và thân nhân | Theo QĐ số 1112/QĐ-UBND tỉnh ngày 29/4/2020 |  |
| 2.18 | Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen của chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương |  |
| 2.19 | Hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt |  |
| 2.20 | Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ |  |
| **3. Lĩnh vực bảo trợ xã hội (16 TTHC)** | | | |
| 3.1 | Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng | Theo QĐ số 1112/QĐ-UBND tỉnh ngày 29/4/2020  Theo QĐ số 1112/QĐ-UBND tỉnh ngày 29/4/2020 |  |
| 3.2 | Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh |  |
| 3.3 | Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh |  |
| 3.4 | Hỗ trợ phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp |  |
| 3.5 | Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật |  |
| 3.6 | Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật |  |
| 3.7 | Trợ cấp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở |  |
| 3.8 | Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng |  |
| 3.9 | Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng động) |  |
| 3.10 | Tiếp nhận đối tượng là người chưa thanh niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em |  |
| 3.11 | Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn |  |
| 3.12 | Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016 – 2020 thuộc đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế |  |
| 3.13 | Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh |  |
| 3.14 | Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện |  |
| 3.15 | Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm |  |
| 3.16 | Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm |  |
| **4. Lĩnh vực trẻ em (3 TTHC)** | | | |
| 4.1 | Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhan, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em | Theo QĐ số 1112/QĐ-UBND tỉnh ngày 29/4/2020 |  |
| 4.2 | Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với ca nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em |  |
| 4.3 | Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế |  |
| **5. Lĩnh vực lao động (1TTHC)** | | | |
| 5.1 | Giải quyế chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm – Pu – Chia. | Theo QĐ số 1112/QĐ-UBND tỉnh ngày 29/4/2020 |  |
| 1. **LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ (3 TTHC)** | | | |
| 1 | Thông báo thành lập tổ hợp tác | Theo QĐ số 893/QĐ-UBND tỉnh ngày 01/4/2020 |  |
| 2 | Thông báo thay đổi tổ hợp tác |  |
| 3 | Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác |  |
|  |  |  |